**TỈNH ỦY QUẢNG NAM** **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

\*

Số -BC/TU *Quảng Nam, ngày tháng năm 2024*

*Dự thảo*

**BÁO CÁO**

##### sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 14/10/2021

##### của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025,

##### định hướng đến năm 2030

-----

Thực hiện Chương trình công tác năm 2024, Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo kết quả qua 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính (CCHC) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 (viết tắt là Nghị quyết số 16-NQ/TU) như sau:

**I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

**1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

Sau khi Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 16-NQ/TU, các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã tổ chức quán triệt, thông tin, tuyên truyền nội dung Nghị quyết số 16-NQ/TU và các thông tin về CCHC với nhiều hình thức đa dạng, như: Xây dựng Bản tin CCHC, Bản tin CĐS tỉnh Quảng Nam[[1]](#footnote-2); đăng tải trên Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương; trên hệ thống Chính phủ điện tử (Egov); các phương tiện thông tin đại chúng[[2]](#footnote-3), nền tảng mạng xã hội[[3]](#footnote-4), tổ chức Cuộc thi tìm hiểu về CCHC[[4]](#footnote-5)..., đáp ứng truyền tải thông tin đến tận thôn, tổ dân phố và người dân.

UBND tỉnh ban hành Chương trình thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU[[5]](#footnote-6); cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp vào các chương trình, kế hoạch cụ thể hằng năm; thành lập Ban Chỉ đạo CCHC và chuyển đổi số (CĐS) tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành, tập trung, thống nhất trong thực hiện nhiệm vụ CCHC và CĐS trên địa bàn tỉnh[[6]](#footnote-7). Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã kịp thời ban hành văn bản cụ thể hóa triển khai thực hiện sát đúng với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương[[7]](#footnote-8); thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo CCHC và CĐS các cấp do Giám đốc/Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố làm Trưởng ban.

Hằng năm, UBND tỉnh tổ chức các hội nghị phân tích, đánh giá và công bố các Chỉ số liên quan công tác CCHC[[8]](#footnote-9); tổ chức các buổi làm việc với các cơ quan, đơn vị để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý nhà nước; trong đó, nhiều nội dung liên quan đến CCHC; đồng thời, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh CCHC một cách toàn diện, sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực. Theo đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã nghiêm túc triển khai thực hiện; một số đơn vị, địa phương có nhiều mô hình, sáng kiến hay, góp phần nâng cao hiệu quả, tạo chuyển biến tích cực trong công tác CCHC và CĐS [[9]](#footnote-10).

Ngoài ra, UBND tỉnh đã ban hành một số bộ tiêu chí để đánh giá công tác CCHC, CĐS[[10]](#footnote-11)trên địa bàn tỉnh; ban hành Quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện CCHC; tổ chức phong trào thi đua “Xây dựng môi trường hành chính trong sạch, lành mạnh, công khai, minh bạch”, nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương đã đưa kết quả thực hiện phong trào thi đua làm tiêu chí bình xét khen thưởng, tạo sự đột phá, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của đơn vị, địa phương[[11]](#footnote-12).

Để đảm bảo Nghị quyết được triển khai thực hiện hiệu quả trên địa bàn tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện công tác CCHC, CĐS đối với các tổ chức đảng, đảng viên[[12]](#footnote-13). HĐND tỉnh, Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh đã phát huy tốt vai trò giám sát trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết trong 03 năm qua[[13]](#footnote-14).

Hằng năm, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC tại các sở, ban, ngành, địa phương; theo đó, từ năm 2021 - 2023, đã kiểm tra 57 lượt tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Qua kiểm tra, đã kịp thời chỉ đạo các giải pháp khắc phục những hạn chế, thiếu sót; tăng cường trách nhiệm của lãnh đạo và công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ CCHC, phục vụ và nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả thực hiện trên địa bàn tỉnh.

**2. Kết quả đạt được**

***2.1. Về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức***

Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TU, ngày 20/12/2021 về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công tác cán bộ và kiện toàn tổ chức bộ máy giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành 03 Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) trên địa bàn tỉnh[[14]](#footnote-15); xây dựng, ban hành 04 văn bản QPPL nhằm hoàn thiện quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, từ chức, thôi giữ chức vụ đối với CCVC trên địa bàn tỉnh.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định chuyển đổi vị trí công tác đối với CBCCVC trong hệ thống chính trị tỉnh[[15]](#footnote-16); Chỉ thị số 30-CT/TU, ngày 17/11/2022 về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao tinh thần trách nhiệm, hiệu quả công tác trong thực thi công vụ; Đề án số 10-ĐA/TU, ngày 30/3/2022 về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030. Theo đó, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương đã tổ chức quán triệt đầy đủ, kịp thời ban hành văn bản cụ thể hóa, triển khai thực hiện đảm bảo các nội dung của Quy định, Chỉ thị, Đề án đến CBCCVC, đảng viên[[16]](#footnote-17).

UBND tỉnh ban hành Quy tắc ứng xử của CBCCVC và người lao động trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC, người lao động theo mô hình đánh giá kết quả làm việc tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh. Qua đó, công tác đánh giá, phân loại CBCCVC có nhiều đổi mới, trách nhiệm người đứng đầu được đề cao. Đến ngày 15/4/2024, UBND tỉnh phê duyệt 143 Đề án vị trí việc làm của các sở, ban, ngành, địa phương; trong đó: 39 Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính[[17]](#footnote-18), 104 Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL)[[18]](#footnote-19).

Hằng năm, UBND tỉnh đều ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tỉnh Quảng Nam; qua đó, góp phần nâng cao chất lượng quản lý nhà nước, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, kỹ năng hoạt động của đại biểu HĐND, tiêu chuẩn ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp viên chức, kiến thức kỹ năng chuyên ngành, đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn cho CBCCVC[[19]](#footnote-20).

***2.2. Về cải cách thể chế, xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, minh bạch, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh***

*2.2.1. Việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) nhằm cụ thể hoá các cơ chế, chính sách về hỗ trợ khởi nghiệp, các chương trình, đề án*

Giai đoạn 2021 - 2023, công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế ngày càng được quan tâm. UBND tỉnh thường xuyên đề xuất cấp có thẩm quyền xây dựng, hoàn thiện thể chế, nhất là các Nghị quyết của HĐND tỉnh; đồng thời, ban hành các Quyết định thể chế hóa chủ trương của Đảng và các văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên để phục vụ mục tiêu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ khởi nghiệp.

UBND tỉnh chỉ đạo triển khai đồng bộ các nhóm nhiệm vụ, giải pháp về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, như: Xây dựng Kế hoạch hành động về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; Kế hoạch cải thiện nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) theo từng năm và giai đoạn 2021 - 2025; ban hành các văn bản quản lý, hướng dẫn về thủ tục đầu tư trên địa bàn tỉnh; các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ và theo nhóm ngành, lĩnh vực[[20]](#footnote-21)...; chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp trong bối cảnh dịch Covid-19; tổ chức các buổi tiếp doanh nghiệp định kỳ hằng tháng để kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp, tạo sự đồng thuận, tin tưởng và đánh giá cao trong cộng đồng doanh nghiệp tại Quảng Nam[[21]](#footnote-22), góp phần tích cực trong việc cải thiện môi trường kinh doanh ở một số lĩnh vực, nhất là các lĩnh vực liên quan đến khởi sự kinh doanh, giải quyết thủ tục về thuế, hải quan, tiếp cận vốn vay (Phụ lục số 02).

*2.2.2. Về đẩy mạnh phân cấp trong quản lý nhà nước*

HĐND tỉnh, UBND tỉnh tiếp tục đẩy mạnh công tác phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước cho các đơn vị trực thuộc theo thẩm quyền[[22]](#footnote-23), nhất là các lĩnh vực: Tư pháp, tài chính - ngân sách, lao động, thương binh và xã hội, văn hóa, du lịch, kiến trúc, công chức, viên chức, quản lý chất lượng công trình, lưu thông hàng hóa trong nước, quản lý tàu cá, chăn nuôi, thú y.Qua đó,phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, địa phương, rút ngắn thời gian, đơn giản hóa quy trình giải quyết công việc, tạo điều kiện để các địa phương chủ động trong chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết kịp thời các phát sinh từ thực tiễn, phục vụ tốt hơn yêu cầu của tổ chức, người dân.

***2.3. Về cải cách TTHC, thúc đẩy môi trường kinh doanh minh bạch, thông thoáng***

*2.3.1. Kết quả thực hiện cải cách TTHC*

Hằng năm, UBND tỉnh ban Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC; Kế hoạch đẩy mạnh cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và nhiều văn bản chỉ đạo liên quan, cụ thể:

Năm 2021, UBND tỉnh ban hành 20 Quyết định phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 với 1.281 thủ tục thuộc phạm vi giải quyết của các sở, ngành[[23]](#footnote-24); 218 dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 thuộc phạm vi quản lý và thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thị xã, thành phố; 91 dịch vụ công cấp xã đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 thuộc phạm vi quản lý và thẩm quyền giải quyết của UBND các xã, phường, thị trấn; Quy chế phối hợp trong giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.

Năm 2022, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định ủy quyền giải quyết 191 TTHC thuộc phạm vi quản lý của 09 sở, ngành; phê duyệt danh mục TTHC cắt giảm thời gian giải quyết thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đối với các TTHC đã được ủy quyền; phê duyệt Phương án đơn giản hóa TTHC lĩnh vực quản lý cạnh tranh thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh.

Năm 2023, UBND tỉnh ban hành 61 Quyết định công bố danh mục TTHC; phê duyệt danh mục 07 TTHC cắt giảm thời gian giải quyết thuộc thẩm quyền giải quyết của một số sở[[24]](#footnote-25); phê duyệt danh mục 03 TTHC cắt giảm thời gian giải quyết thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh. Hiện nay, tổng số TTHC đang thực hiện trên địa bàn tỉnh là 1817 thủ tục[[25]](#footnote-26).

Đặc biệt, UBND tỉnh phê duyệt 126 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành; 224 TTHC cấp huyện và 204 TTHC cấp xã thực hiện cắt giảm ít nhất 10% thời gian giải quyết so với quy định; 36 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành; 66 TTHC cấp huyện và 94 TTHC thuộc cấp xã thực hiện trả kết quả ngay trong ngày; danh mục TTHC thực hiện thí điểm việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

*2.3.2. Kết quả giải quyết TTHC giai đoạn 2021 - 2023*

Tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC từ cấp tỉnh đến cấp xã là 1.273.706 hồ sơ (tiếp nhận trực tuyến 441.909 hồ sơ). Số hồ sơ đã giải quyết là 1.151.470 hồ sơ, số hồ sơ giải quyết đúng hạn là 1.017.300 hồ sơ. Hồ sơ quá hạn trên địa bàn tỉnh chủ yếu thuộc lĩnh vực đất đai ở cấp huyện, cấp xã[[26]](#footnote-27).

*2.3.3. Việc triển khai tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính*

UBND tỉnh phê duyệt danh mục TTHC thực hiện thí điểm việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh đối với 09 TTHC thuộc phạm vi giải quyết của một số sở[[27]](#footnote-28). Theo đó, tổ chức, cá nhân có thể yêu cầu được tiếp nhận hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả 18 huyện, thị xã, thành phố để giúp tiết kiệm thời gian và giảm chi phí đi lại.

*2.3.4. Tình hình thực hiện phân cấp, ủy quyền trong giải quyết TTHC*

UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện ủy quyền cho các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và người đứng đầu các cơ quan này trong giải quyết TTHC[[28]](#footnote-29); theo đó, số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ủy quyền: 201 TTHC/390 TTHC[[29]](#footnote-30); đồng thời, UBND tỉnh ban hành 06 văn bản QPPL về phân cấp trong thực hiện TTHC[[30]](#footnote-31). Một số sở, ngành, địa phương đã triển khai thực hiện ủy quyền cho các phòng, ban chuyên môn, UBND cấp dưới giải quyết trên 100 TTHC thuộc thẩm quyền[[31]](#footnote-32). Qua đó, góp phần thực hiện CCHC, rút ngắn quy trình, giảm trung gian, giảm thủ tục và thời gian, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, đề cao vai trò quản lý trực tiếp của cơ quan chuyên môn và chính quyền cấp huyện, cấp xã.

*2.3.5. Chất lượng, hiệu quả hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp*

Đến nay, đã hoàn thành 100% việc kiện toàn Bộ phận Một cửa các cấp  
gồm: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; 18/18 Bộ phận Một cửa tại các huyện, thị xã, thành phố; 241/241 Bộ phận Một cửa tại cấp xã. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng CNTT phục vụ nhu cầu tiếp nhận và giải quyết hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến giao dịch tại Bộ phận Một cửa bước đầu đáp ứng yêu cầu của người dân, doanh nghiệp.

Việc thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp theo hướng công khai, minh bạch, thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong giải quyết TTHC; nâng cao ý thức, trách nhiệm, năng lực chuyên môn và chất lượng phục vụ của đội ngũ CBCCVC; hạn chế tối đa việc gây phiền hà, sách nhiễu của đội ngũ CBCCVC khi thực hiện giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức; qua đó, tiết kiệm tối đa chi phí cho người dân, doanh nghiệp…

*2.3.6. Ứng dụng CNTT trong việc giám sát, đánh giá tình hình tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp*

UBND tỉnh đã phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVC theo thời gian thực trên môi trường điện tử các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh[[32]](#footnote-33); trong đó, kết quả đánh giá được công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và Cổng Thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương, phục vụ chỉ đạo, điều hành, đánh giá kết quả cải cách TTHC của cơ quan, đơn vị.

Theo dõi, giám sát, đánh giá của cá nhân, tổ chức và nâng cao chất lượng thực hiện TTHC, cung cấp DVC là một trong những tiêu chuẩn để xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; xác định trách nhiệm của CBCCVC, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong thực hiện TTHC, cung cấp DVC[[33]](#footnote-34).

*2.3.7. Việc triển khai thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC*

Để tổ chức triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, UBND tỉnh đã ban hành Đề án triển khai thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh[[34]](#footnote-35).

***2.4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả***

UBND tỉnh ban hành Đề án kiện toàn các tổ chức hành chính cấp tỉnh, cấp huyện thuộc tỉnh[[35]](#footnote-36); tiếp tục thực hiện đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần chỉ đạo của cấp trên. Đến nay, có 21cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính nhà nước thuộc UBND tỉnh; 118 phòng chuyên môn và tương đương (giảm 29 phòng), 11 Chi cục (giảm 07 Chi cục) thuộc các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính nhà nước thuộc UBND tỉnh; 42 phòng và tương đương thuộc Chi cục (giảm 25 phòng); 204phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (giảm 19 phòng) so với năm 2020. Tiếp tục thực hiện sắp xếp,kiện toàn các ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh; theo đó, tổng số ĐVSNCL tính đến hết 31/8/2024 là: 887 đơn vị[[36]](#footnote-37), giảm 43 đơn vị (tỷ lệ 4,62%) so với năm 2020.

***2.5. Cải cách tài chính công***

*2.5.1. Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của cơ quan nhà nước, ĐVSNCL*

- *Đối với cơ quan nhà nước*: Đến nay, Quảng Nam đã thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho 488/498 đơn vị quản lý nhà nước, đạt tỷ lệ 98% tổng số đơn vị quản lý hành chính.

**-** *Đối với ĐVSNCL*: Đến nay, có 133/133 ĐVSNCL cấp tỉnh được UBND tỉnh giao quyền tự chủ tài chính theo quy định[[37]](#footnote-38); so với giai đoạn 2021 - 2022, số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2) tăng 09 đơn vị; đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (nhóm 3) tăng 28 đơn vị và đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4) giảm 28 đơn vị; việc thay đổi này đã đảm bảo định hướng tăng cường tự chủ tài chính cho các ĐVSNCL. 759/759 ĐVSNCL khối huyện đã thực hiện giao quyền tự chủ, gồm: 06 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1), 20 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2), 73 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (nhóm 3) và 660 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4).

*2.5.2. Công tác quản lý tài sản công*

HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh[[38]](#footnote-39). Theo đó, UBND tỉnh ban hành các quy định về phân cấp quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản trang bị của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Chính phủ; quy định tài sản có giá trị lớn sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê tại ĐVSNCL thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; quy định về mua sắm tài sản theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh; quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của cơ quan, tổ chức; phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của ĐVSNCL và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức đối với tài sản công không được quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; Danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh. UBND tỉnh đã phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của 71/71 đơn vị, địa phương[[39]](#footnote-40) (đạt tỷ lệ 100%). Tổng số cơ sở nhà, đất của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng: 4.622 cơ sở. Số cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi, đối tượng sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo quy định: 4.622 cơ sở.

***2.6. Kết quả thực hiện ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số***

Hệ thống quản lý văn bản Q-Office tập trung đã triển khai đến tất cả các cơ  
quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, kết nối trục liên thông văn bản chính phủ và tích hợp chữ ký số chuyên dùng[[40]](#footnote-41), phục vụ gửi nhận văn bản điện tử[[41]](#footnote-42), đáp ứng nhu cầu cấp thiết của các cơ quan trong việc bảo đảm xác thực và bảo mật thông tin. Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh cấp 100% cho đội ngũ CBCCVC trong các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã[[42]](#footnote-43). Tỷ lệ CBCCVC thường xuyên sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc đạt trên 50%.

- Cổng DVC đã hợp nhất với Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh thành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung duy nhất của tỉnh, đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng DVC quốc gia[[43]](#footnote-44) và số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC. Phần mềm cơ bản đáp ứng tiếp nhận, điều phối và xử lý hồ sơ trong quá trình giải quyết TTHC, phục vụ nhu cầu giải quyết TTHC của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh. UBND tỉnh đã phê duyệt Danh mục DVC trực tuyến gồm 1219 DVC toàn trình và 442 DVC một phần[[44]](#footnote-45).

- Kho lưu trữ điện tử dùng chung của tỉnh đã hoàn thành, triển khai số hóa hồ sơ tại 07 sở, khối lượng đạt 51%, 19.893 kết quả TTHC. Hoàn thành việc kết nối cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về dân cư với hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, các CSDL chuyên ngành phục vụ giải quyết TTHC cho người dân ở các lĩnh vực, như: Hộ tịch, đất đai, lao động - thương binh và xã hội.

Thực hiện thẩm định 176 dự án CNTT, CĐS. Có 25/109 dịch vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu qua LGSP (đạt tỷ lệ 23%), kết nối các hệ thống CSDL của Trung ương, của tỉnh (Q-Office, một cửa điện tử, CSDL cán bộ, công chức, hệ thống IOC tỉnh, smart, egov Quảng Nam). Tổng số giao dịch từ đầu năm 2024 đến nay là 57.918.930 giao dịch, giao dịch thành công: 56.554.440 tỷ lệ thành công 97,6%. Thực hiện kết nối, tích hợp hệ thống, cho phép đồng bộ kho số hóa dữ liệu kết quả TTHC của các tổ chức, cá nhân từ cổng DVC của tỉnh với Cổng DVC quốc gia để chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu. Tích hợp dịch vụ xác thực (đăng nhập/đăng xuất) với hệ thống định danh và xác thực điện tử, cho phép công dân có thể sử dụng định danh điện tử để đăng nhập trên Cổng DVC của tỉnh.

- Triển khai Trung tâm thông tin chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh (IOC): Thực hiện bổ sung chỉ tiêu khai thác các báo cáo ngân sách hằng ngày trên hệ thống báo cáo ngân sách của Bộ Tài chính trên IOC tỉnh, gồm 3 loại: Thu NSNN, thu NSĐP, chi NS từ tỉnh đến huyện. Triển khai thử nghiệm Trung tâm điều hành thông minh cấp huyện, đến nay, đã có 07 IOC cấp huyện đưa vào vận hành chính thức, 06 huyện, thành phố đang triển khai thử nghiệm. Hầu hết các ngành đã xây dựng CSDL chuyên ngành và triển khai các hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực. Tổng số CSDL của Trung ương, CSDL chuyên ngành của tỉnh đang triển khai: 109 hệ thống[[45]](#footnote-46) (Phụ lục số 02).

***2.7****.* ***Tiếp tục đẩy mạnh CCHC trong các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội***

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy, phát huy vai trò lãnh đạo của các ban cán sự đảng, đảng đoàn đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội. Tỉnh ủy đã ban hành và 02 lần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị; khẳng định trách nhiệm đối với trường hợp cán bộ có đề xuất hoặc quyết định giải quyết công việc nhằm tháo gỡ những vấn đề khó khăn, vướng mắc vì lợi ích chung khi bị thanh tra, kiểm tra, truy tố, xét xử đảm bảo theo Kết luận số 14-KL/TW, ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị; trách nhiệm của Đảng đoàn HĐND tỉnh, Ban cán sự đảng UBND tỉnh, Đảng đoàn Ủy ban MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong tham mưu, đề xuất và chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; kịp thời cập nhật, điều chỉnh, điều chỉnh, bổ sung các nội dung để cụ thể hóa các quy định mới của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tiễn của Đảng bộ tỉnh. Quy trình ban hành nghị quyết, tham mưu, thẩm định, thẩm tra văn bản ngày càng chặt chẽ, chất lượng, nội dung văn bản ban hành được nâng lên. Chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy rà soát, điều chỉnh Bộ TTHC để triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội; đầu tư xây dựng hệ thống truyền hình trực tuyến đến cơ sở; triển khai thực hiện xử lý công việc trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp của Đảng. Phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp, đoàn kết Nhân dân; khắc phục tình trạng hành chính hóa; tích cực tham gia giám sát, phản biện xã hội các chủ trương, chính sách có tác động rộng rãi đến đời sống Nhân dân.

**3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

***3.1. Tồn tại, hạn chế***

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền, nhất là người đứng đầu chưa thật sự quyết liệt; thiếu kiểm tra, theo dõi, đôn đốc; chưa có kế hoạch cụ thể, thiếu những giải pháp tích cực để triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết.

- Các Chỉ số đánh giá quản trị công của tỉnh (PAR INDEX, SIPAS, PAPI, PCI) sụt giảm qua các năm; một số tiêu chí đạt thấp, chưa có sự cải thiện.

- Một số chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra trong Nghị quyết đến nay vẫn chưa được cụ thể hóa để thực hiện, như: Mục tiêu “4 tăng”[[46]](#footnote-47); “2 giảm”[[47]](#footnote-48); “2 không”[[48]](#footnote-49); thực hiện thí điểm thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, phòng và tương đương.

- Chất lượng đội ngũ CBCC chưa đồng đều; tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, tích cực của một bộ phận CBCCVC trong thực thi công vụ, giải quyết công việc liên quan đến người dân, doanh nghiệp chưa cao; một bộ phận CBCCVC còn có biểu hiện né tránh, đùn đẩy công việc, ngại trách nhiệm.

- Việc chuyển giao một số nhiệm vụ của các sở, ngành, cơ quan chuyên môn cấp huyện cho nhân viên Bưu điện thực hiện nhằm giảm nhân sự làm việc trực tiếp tại Bộ phận một cửa còn một số tồn tại, như: Sự hạn chế về chuyên môn ở một số lĩnh vực của nhân viên Bưu điện ảnh hưởng đến công tác thẩm định hồ sơ ban đầu, hướng dẫn tổ chức, cá nhân trong khâu chuẩn bị hồ sơ; việc tiếp nhận hồ sơ mới chỉ dừng lại ở bước trung gian luân chuyển hồ sơ, không kiểm tra được chất lượng hồ sơ khi tiếp nhận dẫn đến phát sinh nhiều trường hợp bổ sung hồ sơ, hủy hồ sơ do không đủ điều kiện để tiếp nhận, thẩm định dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện, người dân phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nhiều lần.

- Hệ thống cơ chế, chính sách còn nhiều bất cập, chồng chéo; trình tự thủ tục còn phức tạp, nhiều bước, nhiều khâu, thời gian xử lý còn dài. Hồ sơ tồn đọng, trễ hẹn, chậm giải quyết vẫn còn xảy ra. Sự phối hợp của các cấp, các ngành trong việc giải quyết và trả kết quả TTHC cho người dân, doanh nghiệp có lúc, có nơi chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư vào tỉnh.

- Công tác rà soát, xây dựng quy trình giải quyết công việc hành chính nội bộ các cơ quan, đơn vị để làm cơ sở kiểm soát, minh bạch trong giải quyết nhiệm vụ, công việc, cá nhân hóa trách nhiệm của cá nhân trong điều hành, tổ chức hoạt động của bộ máy hành chính, trong thực thi công vụ còn chậm.

- Đến nay, việc xây dựng, thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công còn chậm.

- Kết quả, tiến độ của việc xây dựng CSDL, hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trong hoạt động của các cơ quan nhà nước còn chậm. Việc xây dựng CSDL còn hạn chế, phân tán ở các cấp; tiến độ số hóa dữ liệu quản lý ngành các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, hộ tịch còn rất chậm.

***3.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế***

- Cấp ủy, chính quyền một số đơn vị, địa phương chưa thực sự quyết liệt, chưa quan tâm đúng mức, toàn diện đến CCHC, chưa bám sát tiến độ các nhiệm vụ được giao; chưa quan tâm sử dụng kết quả Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số đánh giá hiệu quả quản trị và hành chính công của đơn vị, địa phương hiệu quả. Chưa có nhiều giải pháp, sáng kiến, mô hình, cách làm hay, tạo đột phá trong triển khai CCHC.

- Hạ tầng CNTT ở một số đơn vị cấp xã (nhất là vùng sâu, vùng xa) chưa đáp ứng yêu cầu triển khai nhiệm vụ; tại một số đơn vị cấp huyện, cấp xã, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị chuyên dụng để thực hiện số hóa hồ sơ (máy scan) chưa đáp ứng yêu cầu, đường truyền mạng chưa ổn định. Cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận Một cửa cấp xã nhiều nơi đã xuống cấp, chưa được đầu tư, chuẩn hóa.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện chuyên môn, nghiệp vụ đối với đội ngũ CBCCVC chưa thực sự đổi mới phương pháp và nội dung. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp chưa đồng đều, một số thiếu tinh thần trách nhiệm, ứng xử chưa đúng mực.

*-* Danh mục dịch vụ trong các lĩnh vực đã được địa phương ban hành nhưng định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công của các lĩnh vực hầu hết chưa được phê duyệt do các bộ, ngành chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cũng như chưa có văn bản hướng dẫn xây dựng đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự quan tâm sử dụng các ứng dụng CNTT, phần mềm đã triển khai đồng bộ trên địa bàn tỉnh, do vậy, chưa khai thác hết chức năng, công suất của hệ thống đã được đầu tư. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBCCVC về chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng chưa được thường xuyên. Hiện nay, chưa có chính sách, chế độ đãi ngộ về tài chính nhằm khuyến khích, động viên thu hút nguồn nhân lực CNTT, đội ngũ chuyên trách CNTT trên địa bàn tỉnh; trình độ ứng dụng, phát triển CNTT chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhất là ở cấp huyện, cấp xã.

- Hồ sơ tồn đọng, quá hạn trên địa bàn tỉnh chủ yếu thuộc lĩnh vực đất đai ở cấp huyện, cấp xã, nguyên nhân chủ yếu do khối lượng công việc nhiều, CCVC chuyên môn chưa thực hiện kết thúc hồ sơ trên phần mềm hệ thống dù thực tế đã trả đúng hạn cho tổ chức, cá nhân hoặc do lỗi phần mềm hệ thống.

- Khả năng tiếp cận thông tin, trình độ, phương tiện máy móc ứng dụng CNTT của người dân còn hạn chế; thói quen, tâm lý muốn đến trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện TTHC; người dân vẫn chưa quen sử dụng DVC trực tuyến trong việc giải quyết TTHC.

**II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN ĐẾN**

**1. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao tinh thần trách nhiệm, hiệu quả công tác trong thực thi công vụ**

Quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quy định của Trung ương, Chính phủ và nội dung Chỉ thị số 30-CT/TU, ngày 17/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao tinh thần trách nhiệm, hiệu quả công tác trong thực thi công vụ theo Kết luận số 631-KL/TU, ngày 13/9/2024. Khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là người đứng đầu trong triển khai thực hiện CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, CĐS; giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức, doanh nghiệp; chấn chỉnh, khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm không dám làm trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở; kịp thời phát hiện, thay thế hoặc xử lý nghiêm các trường hợp có dư luận không tốt về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, làm ảnh hưởng đến hiệu quả CCHC, môi trường đầu tư kinh doanh.

**2. Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh gắn với CĐS**

Phân công rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện Nghị quyết gắn với nhiệm vụ chính trị được giao. Định kỳ đánh giá việc thực hiện, kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành tăng cường trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, CBCCVC trong triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Nghiên cứu, triển khai áp dụng thí điểm và nhân rộng các mô hình, sáng kiến, giải pháp đột phá trong thực hiện CCHC. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác theo dõi, đánh giá các Chỉ số CCHC bảo đảm toàn diện, khách quan, phản ánh đầy đủ, đa chiều kết quả công tác CCHC trên địa bàn tỉnh. Tiến hành rà soát, đánh giá kỹ các khâu yếu, hạn chế, các tiêu chí thấp điểm trong báo cáo xếp hạng về CCHC để có giải pháp quyết liệt, mạnh mẽ nhằm cải thiện các chỉ số quản trị công, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong thời gian đến.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả thông tin, truyền thông, tạo chuyển biến tích cực về nhận thức của các cấp, các ngành, sự đồng thuận xã hội trong thực hiện CCHC, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh gắn với CĐS, hướng tới người dân là trung tâm, thúc đẩy phát triển công dân số tại Quảng Nam.

Phát huy mạnh mẽ vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong công tác tuyên truyền, giám sát, phản biện xã hội; phát huy dân chủ, thực hiện quyền giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của bộ máy hành chính, chú trọng lấy ý kiến tham gia của Nhân dân trong xây dựng chính sách, pháp luật, đánh giá tinh thần, thái độ phục vụ của CBCCVC.

Bố trí nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh gắn với CĐS đảm bảo hiệu quả, thiết thực.

**3. Nâng cao hiệu quả cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh**

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác xây dựng và thực thi các văn bản QPPL đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và tình hình kinh tế - xã hội của địa phương. Kịp thời phát hiện, xử lý bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý. Rà soát, nghiên cứu xây dựng, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, thu hút nguồn lực, thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp ở trong và ngoài nước vào đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh việc phân cấp, ủy quyền theo hướng thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn, đảm bảo theo quy định của pháp luật, nhất là các lĩnh vực về: Đất đai, quy hoạch, xây dựng, đầu tư, môi trường, tài chính, ngân sách, văn hóa, y tế, giáo dục, cung ứng DVC... Chú trọng tiếp nhận, xử lý triệt để các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tổ chức thi hành các quy định của pháp luật. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị, kết luận sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền. Nghiên cứu xây dựng cơ chế phân công đầu mối chịu trách nhiệm chính về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, cải thiện năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Tiếp tục hoàn thiện, công khai các quy hoạch chung phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất hằng năm; thông tin về dự án, thời hạn và nhu cầu sử dụng đất; chính sách, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; danh mục công trình, dự án kêu gọi đầu tư và các cơ chế, chính sách có liên quan bằng nhiều phương tiện, hình thức, kênh thông tin.

Thực hiện hiệu quả các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh. Thường xuyên tổ chức đối thoại, trao đổi với người dân và doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt các phản hồi chính sách và giải quyết các khó khăn, vướng mắc. Rà soát, không để chồng chéo trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp. Tăng cường quản lý, thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành đưa các dự án vào hoạt động sản xuất, đóng góp nguồn thu cho ngân sách, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Triển khai hiệu quả Chương trình xúc tiến đầu tư hằng năm, đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm gắn với thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tăng cường hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế.

**4. Cải cách quyết liệt, thực chất và hiệu quả TTHC là khâu đột phá, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, minh bạch**

Thực hiện đầy đủ, kịp thời việc cập nhật, công bố, công khai, minh bạch TTHC dưới nhiều hình thức, nhất là trên môi trường mạng, tạo điều kiện để cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Nhân dân kiểm tra, giám sát việc giải quyết TTHC dễ dàng mọi lúc, mọi nơi.

Tăng cường rà soát, kiến nghị đơn giản hóa thủ tục, hồ sơ, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC; loại bỏ các thủ tục rườm rà, thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; nội dung trùng lặp thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của tỉnh.

Rà soát, tái cấu trúc quy trình TTHC dựa trên đánh giá sự phù hợp của quy định TTHC để thực hiện trên môi trường điện tử; khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu và số hóa hồ sơ, giấy tờ, liên thông điện tử giữa các cơ quan trong quá trình xem xét, giải quyết TTHC để tích hợp, cung cấp DVC trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia, Cổng DVC của tỉnh.

Thực hiện giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ; trao đổi trên môi trường mạng; số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC để nâng cao tính công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí. Tiếp nhận, xử lý, trả lời kịp thời những phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về cơ chế, chính sách, TTHC trên Cổng DVC quốc gia, Cổng DVC của tỉnh và các hình thức khác.

Đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết TTHC theo hướng cấp nào đủ năng lực, sát cơ sở thì giao giải quyết, bảo đảm đúng quy định và nguyên tắc quản lý, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây nhũng nhiễu, tiêu cực, phiền hà. Giảm tối đa tỷ lệ trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC, nghiêm túc thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Đổi mới tư duy về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông giải quyết TTHC theo hướng phục vụ, không phụ thuộc địa giới hành chính. Củng cố, đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã phù hợp với lộ trình, yêu cầu xây dựng chính quyền số, thành phố thông minh.

Xây dựng, triển khai kế hoạch thống kê, rà soát, phê duyệt và thực thi phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước tỉnh giai đoạn 2022 - 2025; có quy chế phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương để đảm bảo liên thông trong giải quyết công việc, không đùn đẩy trách nhiệm, quy định rõ về thời gian, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong thực thi nhiệm vụ.

Thực hiện Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVC theo thời gian thực trên môi trường điện tử; cá thể hóa trách nhiệm cá nhân, tổ chức để chậm muộn trong giải quyết TTHC.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra gắn với nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương và người đứng đầu trong triển khai thực hiện cải cách TTHC ở địa phương, đơn vị. Nghiêm túc xử lý CBCCVC, người lao động có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, xử lý hồ sơ công việc không theo đúng quy trình.

Phát huy hiệu quả các mô hình, sáng kiến mới trong cải cách TTHC cho người dân, doanh nghiệp đã mang lại hiệu quả. Nghiên cứu, áp dụng các hình thức, mô hình mới các tỉnh, các đơn vị trong cả nước được đánh giá cao để áp dụng phù hợp với tình hình thực tiễn tại tỉnh.

**5. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tổ chức bộ máy, tăng cường phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước trên các lĩnh vực**

Rà soát, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các tổ chức, cơ quan, đơn vị. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của UBND các cấp theo hướng sâu sát, cụ thể, thực hiện phương châm: Rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ quy trình, rõ thời gian hoàn thành và rõ kết quả; một việc, một đầu mối xuyên suốt. Tăng cường phân cấp, ủy quyền, gắn quyền hạn với trách nhiệm; khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Tập trung rà soát, thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức và hoạt động của ĐVSNCL. Đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các ĐVSNCL gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng về mọi mặt của đội ngũ CBCCVC theo vị trí việc làm. Tăng cường thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và DVC cho các doanh nghiệp, tổ chức xã hội đảm nhiệm.

Đổi mới phương thức làm việc tại các cơ quan hành chính thuộc tỉnh trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ CNTT, nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành, thúc đẩy toàn diện việc xử lý hồ sơ, công việc trên môi trường mạng; thực hiện hiệu quả mô hình cơ quan nhà nước, phòng họp không giấy tờ.

Giai đoạn 2022 - 2026, thực hiện tinh giản ít nhất 05% biên chế cán bộ, công chức và ít nhất 10% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

**6. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới**

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí, sử dụng cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ khoa học trình độ cao, cán bộ có trình độ CNTT tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đồng thời, khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương.

Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý, sử dụng CBCCVC thuộc phạm vi quản lý. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong quán lý, nhận xét, đánh giá CBCCVC. Đẩy mạnh luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với CBCCVC, nhất là ở những lĩnh vực nhạy cảm. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC theo chức danh; bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ chuyên môn, lý luận, ngoại ngữ, kiến thức hội nhập, văn hóa ứng xử của đội ngũ cán bộ trong thực thi công vụ.

**7. Cải cách tài chính công**

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách, kết hợp đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp quản lý, điều hành thu, chi ngân sách nhà nước. Xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách hằng năm theo hướng phân định rõ nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách, tăng cường vai trò chủ đạo của ngân sách tỉnh, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị, địa phương.

Công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản lý tài chính công từ cấp tỉnh tới cấp xã. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong quản lý thu, chi ngân sách nhà nước gắn với trách nhiệm người đứng đầu trong việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách, đảm bảo công khai, minh bạch, không để xảy ra tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và lợi ích nhóm.

**8. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; lấy chính quyền số là nền tảng đột phá thúc đẩy CĐS**

Nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, tích hợp với các hệ thống giải quyết TTHC của các bộ, ban, ngành Trung ương, đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng DVC quốc gia, đảm bảo 100% TTHC đủ điều kiện cung cấp thành DVC trực tuyến toàn trình trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau. Hoàn thành ứng dụng định danh điện tử quốc gia, tích hợp các CSDL theo nguyên tắc người dân, doanh nghiệp chỉ phải nhập dữ liệu một lần; đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện CSDL chuyên ngành, kết nối, liên thông, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống của Chính phủ, các bộ, ngành và của tỉnh.

Xây dựng hạ tầng số, các hệ thống thông tin, sử dụng tài nguyên thông tin, dữ liệu số có tính kết nối, liên thông cao, đáp ứng công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp và giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp. Quan tâm đầu tư hạ tầng số, phục vụ hiệu quả nhu cầu tiếp cận, sử dụng của người dân, doanh nghiệp, trong đó ưu tiên vùng khó khăn, vùng sâu vùng xa, biên giới, hải đảo, những người yếu thế khó tiếp cận với CNTT.

Số hóa kết quả giải quyết TTHC và toàn bộ văn bản chỉ đạo điều hành, quản lý, lưu trữ hồ sơ của các cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức, đoàn thể; xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian, cơ sở dữ liệu nền tảng, chuyên ngành và sử dụng dữ liệu hiệu quả trong hoạt động của hệ thống chính trị và phát triển kinh tế - xã hội.

Phát triển, triển khai nền tảng công dân số và ứng dụng công dân số để cung cấp các tiện ích, dịch vụ số thiết yếu, thông minh cho người dân trên nền tảng thiết bị di động thông minh. Phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng để gắn kết cơ quan quản lý nhà nước và người dân trong CĐS toàn diện tỉnh Quảng Nam.

**9. Tiếp tục đẩy mạnh CCHC trong các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội**

Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới theo Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Kế hoạch số 270-KH/TU, ngày 20/4/2023 của Tỉnh ủy. Không ngừng đổi mới phong cách, phương pháp công tác, lề lối làm việc, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thông suốt, kịp thời của cấp ủy, tổ chức đảng. Xây dựng Đề án cải cách hành chính trong Đảng; rà soát, bổ sung, ban hành mới Bộ thủ tục hành chính của các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ quan đảng,Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội; nâng cấp phần mềm Q.offcie hiện có để tích hợp cơ sở dữ liệu Văn kiện Đảng ở các phần mềm đang dùng và triển khai chữ ký số qua SIM điện thoại trên phần mềm. Mở rộng hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến; giảm các hội nghị, cuộc họp không cần thiết. Nghiên cứu, đổi mới công tác thông tin, báo cáo trong Đảng theo hướng mẫu hóa, đảm bảo nhanh, chính xác, kịp thời, chất lượng. Nâng cao chất lượng, hiệu quả xây dựng, hoạch định chính sách; chất lượng văn bản cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết của Đảng theo hướng thiết thực, rõ mục tiêu, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ nguồn lực, rõ kết quả; trong đó, xác định mục tiêu xuyên suốt là hướng đến phục vụ và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

Trên đây là Báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CCHC trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kính báo cáo.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận: - Văn phòng Trung ương Đảng, các cơ quan,  ban Đảng ở Trung ương,  - Ban Thường vụ Tỉnh ủy,  - Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,  - Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,  - Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,  - Các sở, ban, ngành, Mặt trận, tổ chức CT-XH tỉnh,  - Các đồng chí Tỉnh ủy viên,  - Lưu Văn phòng Tỉnh ủy. | **T/M BAN THƯỜNG VỤ**  PHÓ BÍ THƯ  Nguyễn Đức Dũng |

1. Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng 23 “Bản tin điện tử CĐS tỉnh Quảng Nam”, sản xuất 17 phóng sự truyền hình, 04 clip hướng dẫn CĐS; 67 tin video về CĐS phát trong chương trình Bản tin tổng hợp hằng tuần. [↑](#footnote-ref-2)
2. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thực hiện gần 50 chuyên mục, phóng sự về CCHC, phát gần 200 lượt trên sóng truyền hình và hàng trăm lượt trên sóng phát thanh. Báo Quảng Nam đã đăng tải gần 400 tin, bài viết về CCHC, đưa tin kịp thời, sinh động tình hình, kết quả CCHC; Cổng thông tin CCHC tỉnh đã biên tập, đăng tải gần 400 tin, bài, văn bản liên quan đến tình hình, kết quả, hoạt động CCHC của Trung ương, tỉnh nhà, thu hút gần 9.000.000 lượt truy cập, khai thác. Qua đó, góp phần cập nhật nhanh chóng các quy định, chỉ đạo CCHC đến các sở, ngành, địa phương, tầng lớp nhân dân, chia sẻ có hiệu quả nhiều sáng kiến, cách làm hay trong công tác CCHC, hỗ trợ nghiệp vụ rất hiệu quả cho đội ngũ công chức chuyên trách CCHC. [↑](#footnote-ref-3)
3. Zalo 1022 Quảng Nam; fanpage Facebook 1022 Quảng Nam, ứng dụng Smart Quang Nam... [↑](#footnote-ref-4)
4. Cuộc thi trực tuyến về CCHC trên địa bàn tỉnh năm 2023 đã thu hút trên 23.000 cán bộ, công chức, viên chức tham gia. [↑](#footnote-ref-5)
5. Kèm theo Quyết định số 3441/QĐ-UBND, ngày 24/11/2021. [↑](#footnote-ref-6)
6. Năm 2021, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Ban Chỉ đạo CCHC và CĐS tỉnh, đến năm 2023, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo. [↑](#footnote-ref-7)
7. Có 15/18 địa phương, 14/20 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, 4/5 cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh ban hành văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết. [↑](#footnote-ref-8)
8. Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với cơ quan hành chính (SIPAR), Chỉ số năng lực cạnh canh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin-truyền thông (ICT INDEX). [↑](#footnote-ref-9)
9. Như: Bắc Trà My hướng dẫn việc thực hiện chứng thực bản sao điện tử, tiếp nhận, giải quyết TTHC trên Cổng Dịch vụ công (DVC) và triển khai thu phí, lệ phí trên hệ thống phần mềm Một cửa điện tử; Nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính bằng Hệ thống đánh giá sự hài lòng theo thời gian thực tại huyện Quế Sơn; Phước Sơn tổ chức hướng dẫn Nhân dân thanh toán bằng mã QR Code và đăng ký tài khoản trên hệ thống DVC Quảng Nam; Thành phố Tam Kỳ thí điểm tiếp nhận hồ sơ trực tuyến 04 ngày/tuần; phát động đợt thi đua cao điểm hưởng ứng Ngày chuyển đổi số Quốc gia, Mô hình Ngày thứ 5 Nghe dân nói của phường An Mỹ. Mô hình “Ngày thứ 7 - Ngày công dân số” tại phường Tân Thạnh, An Xuân; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức hội thảo “CĐS ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”; huyện Tiên Phước triển khai mô hình điểm sử dụng thẻ căn cước công dân gắn chíp điện tử và ứng dụng VneID tại các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn huyện; Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh phối hợp với VNPT Quảng Nam tổ chức tập huấn liên thông giải quyết TTHC lĩnh vực đất đai; Công an Quảng Nam tăng cường lực lượng hỗ trợ công an cơ sở triển khai Đề án 06… [↑](#footnote-ref-10)
10. Bộ Chỉ số cải CCHC các sở, ngành, địa phương; Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVC theo thời gian thực trên môi trường điện tử các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công ích; Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI) của các sở, ban, ngành và các huyện, thị xã, thành phố. [↑](#footnote-ref-11)
11. Điển hình như: UBND các huyện Quế Sơn, Đại Lộc. [↑](#footnote-ref-12)
12. Tại Núi Thành, Phú Ninh, Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông. [↑](#footnote-ref-13)
13. HĐND tỉnh giám sát chuyên đề về cải cách TTHC đối với các lĩnh vực: Đất đai, tư pháp - hộ tịch, giao thông và tổ chức phiên họp giải trình về công tác cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2022. Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phối hợp triển khai Chương trình giám sát CCHC, nâng cao chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; qua đó, đề xuất, kiến nghị triển khai thực hiện hiệu quả hơn công tác CCHC trên địa bàn tỉnh… [↑](#footnote-ref-14)
14. Cơ chế, chính sách hỗ trợ luân chuyển, điều động CBCC trên địa bàn tỉnh; cơ chế, chính sách hỗ trợ và mức chi đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC trên địa bàn tỉnh; quy định chức danh, mức phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn tổ dân phố, Công an viên, thôn/khối đội trưởng; chức danh, mức hỗ trợ, hỗ trợ kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh. [↑](#footnote-ref-15)
15. Quy định số 455-QĐ/TU, ngày 22/02/2022; kết quả, có 853 lượt CBCCVC được chuyển đổi vị trí công tác trong nội bộ cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc thẩm quyền quản lý; có 10 cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định chuyển đổi đối với 30 CBCCVC ra ngoài cơ quan, đơn vị, địa phương. [↑](#footnote-ref-16)
16. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 416/KH-UBND, ngày 18/01/2023 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TU, ngày 17/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 1223/KH-UBND, ngày 08/3/2023 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg, ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc trên địa bàn tỉnh; Công văn số 2116/UBND-TH, ngày 10/4/2023 về việc tăng cường công tác tham mưu, thực hiện nhiệm vụ, giải quyết công việc của sở, ban, ngành, địa phương; Công văn số 2577/UBND-NCKS, ngày 27/4/2023 về việc tăng cường chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính nhà nước; Công văn số 983/UBND-NCKS, ngày 06/02/2024 về việc tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính trước và sau Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024…

    đơn vị, địa phương/314 lượt CBCCVC); có 10 cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định chuyển đổi đối với 30 CBCCVC ra ngoài cơ quan, đơn vị, địa phương (trong đó, năm 2022 có 07 cơ quan, đơn vị/25 CBCCVC; năm 2023 có 03 cơ quan, đơn vị, địa phương/05 CBCC. [↑](#footnote-ref-17)
17. Không bao gồm vị trí việc làm CBCC cấp xã. [↑](#footnote-ref-18)
18. Chưa bao gồm: 724 đơn vị sự nghiệp giáo dục - đào tạo UBND tỉnh đã ủy quyền cho UBND cấp huyện và Sở GD&ĐT phê duyệt; 53 đơn vị đã được giao quyền tự chủ thuộc thẩm quyền phê duyệt của người đứng đầu ĐVSNCL [↑](#footnote-ref-19)
19. Năm 2021: Đã cử 3.056 lượt người đi đào tạo, bồi dưỡng, trong đó, đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ: 403 lượt người (Tiến sĩ: 07, Thạc sĩ: 186, Đại học: 204, Cao đẳng: 06); Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức: 383 lượt người; Bồi dưỡng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức: 1.355 lượt người; Bồi dưỡng về kỹ năng lãnh đạo, quản lý: 366 lượt người; Bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp xã cho đối tượng là Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã: 460 lượt người; Bồi dưỡng quốc phòng, an ninh, ngoại ngữ, tin học, tiếng dân tộc: 89 lượt người.

    Năm 2022: Đã cử 9.914 lượt người đi đào tạo, bồi dưỡng, cụ thể: Đào tạo, bồi dưỡng theo nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng: 3.722 lượt người (Chuyên môn: 571, Lý luận chính trị: 866, kiến thức quốc phòng và an ninh: 335, Quản lý nhà nước: 352, Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức: 665, Kiến thức quản lý nhà nước trước khi bổ nhiệm: 211, Kiến thức, kỹ năng lãnh đạo quản lý cấp xã: 64, kiến thức kỹ năng, chuyên ngành vị trí việc làm: 658). Bồi dưỡng theo nhóm đối tượng 6.192 lượt người (Cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý: 168, các ngạch công chức: 573, Đại biểu HĐND: 3458, viên chức sự nghiệp: 1.611, cán bộ, công chức, cấp xã: 355). [↑](#footnote-ref-20)
20. Kế hoạch triển khai các giải pháp nhằm tiếp tục hỗ trợ cho doanh nghiệp bị tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 phù hợp với trạng thái “bình thường mới”; Quy định hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; Quy chế cho vay của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Quảng Nam; Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Quy định về triển khai thực hiện Nghị quyết số 45/NQ-HĐND, ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023 - 2025; Kế hoạch tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn đến năm 2030… [↑](#footnote-ref-21)
21. Tổ chức 51 buổi tiếp doanh nghiệp để giải quyết các kiến nghị của doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực xây dựng, giải phóng mặt bằng, giá thuê đất, thủ tục đầu tư…Năm 2023, có trên 80% doanh nghiệp cho rằng các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh. [↑](#footnote-ref-22)
22. Nghị quyết số 57/NQ-HĐND, ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh và Kế hoạch số 325/KH-UBND, ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh. [↑](#footnote-ref-23)
23. Nội vụ 82, Ngoại vụ 4, Thông tin và Truyền thông 36, Văn hóa, Thể thao và Du lịch 126, Giáo dục và Đào tạo 77, Công Thương 129, Ban Dân tộc 2, Tài chính 27, LĐTB&XH 86, Giao thông vận tải 70, BQL các Khu kinh tế và Khu công nghiệp 41, Kế hoạch và Đầu tư 68, Tài nguyên và Môi trường 96, Y tế 137, Tư pháp 89, Nông nghiệp& PTNT 104, Xây dựng 52, Khoa học và Công nghệ 55. [↑](#footnote-ref-24)
24. Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Ngoại vụ. [↑](#footnote-ref-25)
25. Gồm: Cấp tỉnh 1.453 thủ tục, cấp huyện 303 thủ tục, cấp xã 162 thủ tục và 21 TTHC của Công an tỉnh thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. [↑](#footnote-ref-26)
26. Tỷ lệ hồ sơ trễ hạn: Năm 2021 là 20,78%; năm 2022 là 11,44%; năm 2023 là 6,74%. [↑](#footnote-ref-27)
27. Giáo dục và Đào tạo, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. [↑](#footnote-ref-28)
28. Năm 2021, UBND tỉnh ủy quyền cho các sở, ngành thuộc tỉnh và người đứng đầu các cơ quan này giải quyết 144 TTHC/260 TTHC. Năm 2022, UBND tỉnh tiếp tục ủy quyền giải quyết một số TTHC thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện cho các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố. [↑](#footnote-ref-29)
29. Số TTHC thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh đã ủy quyền: 132/229 TTHC; Số TTHC thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh đã ủy quyền: 69/161 TTHC. [↑](#footnote-ref-30)
30. Quy định phân cấp quản lý tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ trên địa bàn tỉnh *(phân cấp cho UBND cấp huyện giải quyết 04 TTHC)*; Quyết định phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi, lĩnh vực công chứng, thừa phát lại, giám định tư pháp, đấu giá trên địa bàn tỉnh *(phân cấp cho Sở Tư pháp giải quyết 18 TTHC);* Quyết định phân cấp thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước trên địa bàn tỉnh *(phân cấp cho UBND cấp huyện giải quyết 01 TTHC);* Quyết định phân cấp cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực văn hóa, du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Nam *(phân cấp cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giải quyết 12 TTHC);* Quy định quy trình luân chuyển hồ sơ để ban hành quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh; trong đó, phân cấp cho UBND các huyện, thị xã, thành phố ban hành quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng; Quyết định phân cấp cho UBND cấp huyện thực hiện giải quyết một số TTHC trong lĩnh vực thủy lợi. [↑](#footnote-ref-31)
31. UBND thành phố Tam Kỳ: 25 TTHC; UBND thành phố Hội An: 31 TTHC; UBND thị xã Điện Bàn: 09 TTHC. [↑](#footnote-ref-32)
32. Quyết định số 892/QĐ-UBND, ngày 28/4/2023 của UBND tỉnh. [↑](#footnote-ref-33)
33. Theo Thông báo số 06-TB/BCĐ, ngày 26/12/2022 của Ban Chỉ đạo CCHC và CĐS tỉnh. [↑](#footnote-ref-34)
34. Tại cấp tỉnh đã hoàn thành việc chuyển giao cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đối với TTHC của 16/16 sở, ban, ngành; cấp huyện đã thực hiện chuyển giao tại Bộ phận Một cửa 18 huyện, thị xã, thành phố; trong đó, có 13 huyện, thành phố đã chuyển giao 100% TTHC (bao gồm lĩnh vực đất đai), gồm: Nông Sơn, Phước Sơn, Nam Trà My, Bắc Trà My, Đông Giang, Tây Giang, Thăng Bình, Tam Kỳ, Nam Giang, Duy Xuyên, Quế Sơn, Hiệp Đức, Đại Lộc; 01 huyện đang chuyển giao TTHC đất đai: Phú Ninh; 04 huyện, thị xã, thành phố chưa chuyển giao TTHC đất đai gồm: Hội An, Tiên Phước, Núi Thành, Điện Bàn. Tại cấp xã, đã triển khai tại 19 Bộ phận Một cửa xã, thị trấn (trong đó, huyện Duy Xuyên 14/14 xã, thị trấn; huyện Thăng Bình 03/22 xã, thị trấn; huyện Phú Ninh 01/11 xã, thị trấn; huyện Nông Sơn 01/6 xã, 5 thị trấn). [↑](#footnote-ref-35)
35. Quyết định số 675/QĐ-UBND, ngày 15/3/2021. [↑](#footnote-ref-36)
36. Khối chính quyền địa phương: 882 đơn vị; khối Đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội: 05 đơn vị. [↑](#footnote-ref-37)
37. Gồm: 20 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2), 77 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (nhóm 3) và 36 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4). [↑](#footnote-ref-38)
38. Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND, ngày 12/7/2019 và Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND, ngày 23/01/2024 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND. [↑](#footnote-ref-39)
39. Gồm: 46 sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; 18 huyện, thị xã, thành phố và 07 Công ty có vốn nhà nước chiếm tỷ lệ 51% trở lên. [↑](#footnote-ref-40)
40. 100% cơ quan nhà nước của tỉnh, từ cấp tỉnh đến cấp xã đã được cấp chứng thư số chuyên dùng. Đến thời điểm hiện tại đã cấp được 8.175 chứng thư số trong đó: 979 chứng thư số cho tổ chức; 7195 chứng ký số cho cá nhân, 01 chứng thư số TBDVPM đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin mạng trong gửi, nhận thông điệp điện tử, văn bản điện tử và chứng thực điện tử. [↑](#footnote-ref-41)
41. 100% văn bản điện tử gửi đi được thực hiện ký số, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, tiết kiệm chi phí, tạo được môi trường làm việc hiện đại. góp phần tích cực trong việc CCHC và nâng cao hiệu quả công việc, tăng tính công khai, minh bạch trong quản lý điều hành công việc. [↑](#footnote-ref-42)
42. 30.335 tài khoản. [↑](#footnote-ref-43)
43. Cung cấp, công khai 1.262 DVCTT trên Cổng DVC Quốc gia (trong đó, có 1245 DVC trực tuyến toàn trình). [↑](#footnote-ref-44)
44. Tỷ lệ DVC trực tuyến toàn trình: 1219/1219, đạt 100%; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình: 90,81%; tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến 6 tháng đầu năm 2024: 35,73%; Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: 33,2%; Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC: 91,86%. [↑](#footnote-ref-45)
45. Trong đó, có 59 hệ thống CSDL của Trung ương, 50 hệ thống chuyên ngành của tỉnh. [↑](#footnote-ref-46)
46. Tăng tính công khai minh bạch; tăng cường trách nhiệm trong thực thi công vụ; tăng cường phương thức giải quyết TTHC qua môi trường mạng; tăng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp. [↑](#footnote-ref-47)
47. Giảm thời gian thực hiện TTHC; giảm chi phí tuân thủ TTHC. [↑](#footnote-ref-48)
48. Không gây phiền hà, sách nhiễu; không trễ hẹn. [↑](#footnote-ref-49)